TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04/02/2021
Về việc: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh**.**

Hội thẩm nhân dân**:** 1. Ông Hà Minh Tấn

2. Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly – Công chức Tòa án nhân dân huyện Tân T.

Ngày 04 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 09/2021/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 15/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Võ Thị Hồng M, Sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp 5B, xã Phú C, huyện Cai L, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn D, sinh năm: 1986
Địa chỉ: Ấp Trại Lòn N, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An.
(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; bị đơn vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và bản tự khai của nguyên đơn Võ Thị Hồng M trình bày nội dung vụ kiện như sau: Chị M và anh D chung sống với nhau vào năm 2012, có tổ chức đám cưới, đến năm 2015 đăng ký kết hôn tại UBND xã

Nhơn N. Chị M và anh D chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm đầu. Thời gian sau đó giữa chị M và anh D xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D không lo làm ăn, lại thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện chửi mắng, đánh chị M nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị đã nhiều lần nhường nhịn, khuyên anh D nhưng anh không sửa đổi. Do đó, mâu thuẫn giữa chị với anh D ngày càng trầm trọng. Chị M và anh D không còn sống chung với nhau nên chị nhận thấy không còn khả năng hàn gắn. Hiện nay, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/11/2012 và Nguyễn Thị Ái V, sinh ngày 26/5/2018. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với trình bày của nguyên đơn về việc vơ chồng chung sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã Nhơn N. Hiện nay, đối với yêu cầu ly hôn của chị M thì anh D không đồng ý với lý do anh vẫn còn thương vợ và con.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/11/2012 và Nguyễn Thị Ái V, sinh ngày 26/5/2018. Trong trường hợp tòa án giải quyết ly hôn, anh D đồng ý giao 02 con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bị đơn.

Bị đơn: Vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại xã

Nhơn N, huyện Tân T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Anh Nguyễn Văn D đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hôn nhân: Chị M và anh D chung sống với nhau từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An, vào sổ đăng ký kết hôn số 37/2015 quyển số 01/2015, ngày 06/4/2015 nên quan hệ hôn nhân của chị M với anh D là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị M và anh D đều trình bày thống nhất với nhau về việc giữa chị M và anh D trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn về kinh tế, khi về bên gia đình của chị M sống vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn với mẹ của chị M nên chị M và anh D đã sống ly thân với nhau. Hiện nay, chị M xác định không thể tiếp tục chung sống với anh D nên chị cương quyết ly hôn. Anh D xác định còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh D không có giải pháp nào để chị M thay đổi quan điểm mà hàn gắn tình cảm với anh. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để hai bên xem xét lại tình cảm, có cơ hội hàn gắn tình cảm để trở về chung sống với. Tuy nhiên, đến nay giữa chị M và anh D vẫn không hàn gắn được. Chị M vẫn cương quyết xin ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chung sống giữa chị M và anh D không có hạnh phúc, đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị M có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2.Về con chung: Chị M và anh D có 02 con chung tên tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/11/2012 và Nguyễn Thị Ái V, sinh ngày 26/5/2018. Cháu B trên 07 tuổi, có văn bản trình bày ý kiến muốn sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Tại phiên hòa giải, giữa chị M và anh D đã thống nhất trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của chị M thì anh D đồng ý giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, khi ly hôn, chị M được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/11/2012 và Nguyễn Thị Ái V, sinh ngày 26/5/2018. Chị M không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập. Anh D được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

2.3.Về tài sản chung và nợ chung: chị M và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[*3] Về án phí:* Chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Hồng M

- Về hôn nhân: Chị Võ Thị Hồng M được ly hôn với anh Nguyễn Văn D

- Về con chung: Chị Võ Thị Hồng M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/11/2012 và Nguyễn Thị Ái V, sinh ngày 26/5/2018.

Sau khi ly hôn, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Võ Thị Hồng M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu số 0001353, ngày 08/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T sang thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- Toà án tỉnh Long An;
- VKS huyện Tân T;
- THA huyệnTân Thạnh;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Ngọc Ánh